

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST.

Ngày: 21/3/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 378/2023/TLST-DS về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng T chi nhánh Bến Tre – Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn G – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Số C, Đại lộ Đ, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền khởi kiện số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng T chi nhánh Bến Tre: Bà Huỳnh Như N, sinh năm 1993 – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 020/2024/UQ-CNBT ngày 09/01/2024.

Bị đơn:

Bà Huỳnh Thị Nhã P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 318A2, khu phố 1, phường P1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2023, bản tự khai, các biên bản hoà giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Bên vay là bà Huỳnh Thị Mỹ P đang phát sinh khoản vay tại Ngân hàng T (Sau đây gọi là Ngân hàng T) - Chi nhánh Bến Tre, cụ thể như sau:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/01/2020 thì bên vay bà Huỳnh Thị Mỹ P có ký với Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/01/2020, qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng vốn và tình hình kinh tế của khách hàng, Ngân hàng T - Chi nhánh Bến Tre đã đồng ý cấp tín dụng cho bà Huỳnh Thị Mỹ P với hạn mức 30.000.000đồng; Lãi suất: 2,6%/tháng; Thời gian sử dụng thẻ là 03 năm.

Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ và có 25 ngày để thanh toán. Nếu thanh toán chậm sẽ bị phạt 6% số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó.

Từ ngày 22/01/2020 cho đến ngày 22/6/2023 bà P đã thanh toán cho ngân hàng được 34.414.815đồng.

Thẻ tín dụng của bà P đang bị quá hạn nhóm 4 với số tiền tính đến ngày 21/3/2024 là 39.975.414đồng. Trong đó, nợ gốc là 33.069.429đồng. Lãi trong hạn là 4.603.990đồng. Lãi quá hạn là 2.301.995đồng.

Do bà Phương đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phương như sau:

Thanh toán một lần cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/3/2024 là 39.975.414đồng. Trong đó, nợ gốc là 33.069.429đồng. Lãi trong hạn là 4.603.990đồng. Lãi quá hạn là 2.301.995đồng.

Ngân hàng được tiếp tục tính lãi trên vốn gốc còn lại tính từ ngày 21/3/2024 cho đến khi bà P thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt theo đúng quy định pháp luật Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các giấy triệu tập tham gia phiên họp và phiên tòa, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Huỳnh Thị Nhã P. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà Phương vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Huỳnh Thị Nhã P. Quan hệ tranh chấp này được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Xét thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng T, Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020. Căn cứ vào các Thông báo thanh toán thẻ tín dụng quá hạn của Ngân hàng T – Chi nhánh Bến Tre thì từ ngày 14/9/2023 bà Huỳnh Thị Nhã P đã phát sinh nợ quá hạn. Thời hạn thanh toán nợ là đến ngày 15/9/2023. Ngày 28/11/2023, Ngân hàng T khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc khởi kiện của ngân hàng còn trong thời hiệu luật định.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 của Ngân hàng T và quá trình tổng đạt văn bản tố tụng có cơ sở xác định Bà Huỳnh Thị Nhã P, sinh năm 1988 có nơi cư trú tại địa chỉ số 318A2, khu phố 1, phường P1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các quy định tại Điều 39, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với sự có mặt, vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Huỳnh Thị Nhã P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 01/TB-TA ngày 29/01/2024 cho bà Huỳnh Thị Nhã P là đảm bảo quyền được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của bị đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị đơn vẫn không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công khai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về phạm vi giải quyết vụ án, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hồ sơ vụ án không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xét xử các nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu nào khác.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 để yêu cầu bà Huỳnh Thị Nhã P trả số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 21/3/2024 là 39.975.414 đồng. Trong đó, nợ gốc là 33.069.429 đồng. Lãi trong hạn là 4.603.990 đồng. Lãi quá hạn là 2.301.995 đồng.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 thể hiện nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Classic với hạn mức 30.000.000đồng cho bà Huỳnh Thị Nhã P. Ngày chốt giao dịch là ngày 22 hàng tháng tính từ ngày 08/01/2020. Lãi suất là 2,6%/tháng. Các bên có thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn tại bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T có hiệu lực từ ngày 29/11/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có ý kiến gì về Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 mà các đương sự đã ký. Đồng thời Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT.NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định. Các thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các văn bản này đều có chữ ký, chữ viết của bà Huỳnh Thị Nhã P. Do đó, căn cứ vào Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thi hành theo các thỏa thuận Giấy đề nghị này.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, theo bảng Tóm tắt sao kê ngày 21/3/2024 của ngân hàng cung cấp thì ngày 22/6/2023 là kỳ cuối cùng mà bà Phương thanh toán nợ cho ngân hàng. Từ ngày 22/07/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì không còn phát sinh việc thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà bà P đã ký. Căn cứ theo quy định tại mục 18 “Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ” tại bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T có hiệu lực từ ngày 29/11/2019 thì chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn. Đồng thời theo quy định tại Điều 280, 282 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ thanh toán phải được thực hiện đúng, đủ và theo phương thức các bên đã thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật để bà P tham gia giải quyết vụ án, tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà P vắng mặt không lý do nên được xem là tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án. Việc bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng T nên cần căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc bà Phương trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/3/2024 là 39.975.414đồng. Trong đó, nợ gốc là 33.069.429đồng. Lãi trong hạn là 4.603.990đồng. Lãi quá hạn là 2.301.995đồng là phù hợp với quy định pháp luật và đồng thời buộc bà Phương tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận cho đến khi thi hành xong bản án của Tòa án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Huỳnh Thị Nhã P.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên nguyên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Huỳnh Thị Nhã P phải nộp số tiền $39.975.414 \text{ đồng} \times 5\% = 1.998.770 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 39, 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 280, 282, 400, 429 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Nhã P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận) số tiền tính đến ngày 21/3/2024 là 39.975.414 (Ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm mười bốn) đồng. Trong đó, nợ gốc là 33.069.429 đồng. Lãi trong hạn là 4.603.990 đồng. Lãi quá hạn là 2.301.995 đồng.

Từ ngày 22/3/2024, bà Huỳnh Thị Nhã P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngoài việc trả nợ gốc thì còn phải chịu tiền lãi, lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1407913 ngày 08/01/2020 được ký kết giữa Ngân hàng T chi nhánh Bến Tre và bà Huỳnh Thị Nhã P cho đến khi thi hành xong Bản án của Tòa án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Ngân hàng T không phải nộp. Hoàn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 859.900 (Tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm) đồng được thu theo biên lai số 0000889 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre cho Ngân hàng T (Chi nhánh Bến Tre đại diện nhận).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Huỳnh Thị Nhã P phải nộp số tiền 1.998.770 (Một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng Nguyễn Thanh Tùng

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Lan Nguyễn Thị Bé Em

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Thi